

**TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 695/2025/HNGĐ-ST

Ngày 11 – 9 – 2025

V/v: Tranh chấp ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Quỳnh Trang

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Lê Thị kim Hạnh

Ông Trần Quốc Hà

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thu Hoài - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 7 – Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Đinh Hương Liên - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 7 – Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 359/2025/TLST – HNGĐ ngày 25 tháng 03 năm 2025 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 509/2025/QĐXXST – HNGĐ ngày 16 tháng 7 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 1823/2025/QĐST-HNGĐ ngày 15 tháng 8 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Kim Q, sinh năm 1959; Địa chỉ: quận G (nay là phường H), Thành phố Hồ Chí Minh (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

Bị đơn: Ông Vũ Thành N1, sinh năm 1954; Địa chỉ: quận G (nay là phường H), Thành phố Hồ Chí Minh (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim Q trình bày:

Bà và ông Vũ Thành N1 có quen biết, tìm hiểu nhau từ năm 1978 đến năm 1979 thì tự nguyện tiến đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân Phường 3, thị xã Vĩnh Long, Tỉnh Cửu Long cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 47, quyển số 01 ngày 19 tháng 12 năm 1979.

Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc đến tháng 6/2005 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hòa hợp, không có tiếng nói chung dẫn đến thường xuyên cãi nhau. Bà và ông N1 đã nỗ lực hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không thành, tháng 10/2005 vợ chồng ông bà đã sống ly thân cho đến nay. Nay, nhận thấy tình cảm dành cho ông N1 không còn nên bà yêu cầu được ly hôn với ông N1 để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Có 02 con chung là Vũ Hoài N2, sinh ngày 22/11/1981 và Vũ Nguyễn Hoài P, sinh ngày 23/4/1985, đã trưởng thành

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn: ông Vũ Thành N1 đã được Tòa án tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án, Giấy triệu tập đến Tòa để làm bản tự khai, tham gia phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông N1 vẫn vắng mặt không có lý do.

Tại phiên Tòa sơ thẩm:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim Q có đơn xin vắng mặt với lý do bận công việc nên không thể tham gia phiên tòa được.

Bị đơn ông Vũ Thành N1 đã được tổng đạt hợp lệ Giấy triệu tập tham gia phiên tòa cùng với Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông N1 vẫn vắng mặt không có lý do.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 của Bộ luật tố tụng dân sự về xác định thẩm quyền giải quyết vụ án, xác định tư cách pháp lý của những người tham gia tố tụng; xác minh thu thập chứng cứ, giao nhận chứng cứ cũng như trình tự thụ lý, việc giao nhận thông báo thụ lý cho Viện kiểm sát và đương sự chấp hành đúng quy định về thời hạn chuẩn bị xét xử theo quy định tại Điều 203 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn đã thực hiện đúng các qui định tại Điều 70, Điều 71;

Bị đơn chưa thực hiện đúng quy định tại Điều 70, Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim Q.

Án phí sơ thẩm thực hiện theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim Q khởi kiện yêu cầu xin ly hôn với ông Vũ Thành N1, cư trú tại quận G (nay là phường H), Thành phố Hồ Chí Minh, đây là vụ án “Tranh chấp ly hôn” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 7, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn ông Vũ Thành N1 đã được tổng đạt hợp lệ Giấy triệu tập tham gia phiên tòa cùng với Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông Vũ Thành N1 vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông Vũ Thành N1 theo quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 1 khoản 3 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Căn cứ vào Giấy chứng nhận kết hôn số 47, quyền số 01 ngày 19 tháng 12 năm 1979 do Ủy ban nhân dân Phường 3, thị xã Vĩnh Long, Tỉnh Cửu Long cấp cho bà Nguyễn Thị Kim Q và ông Vũ Thành N1 đã có đủ cơ sở để kết luận quan hệ hôn nhân của bà Nguyễn Thị Kim Q và ông Vũ Thành N1 là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Quá trình giải quyết vụ án, **bà Q** xác định tình cảm dành cho ông N1 hiện nay không còn vì giữa hai bên đã xảy ra quá nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hòa hợp, vợ chồng sống không có tiếng nói chung nên dẫn đến cãi vã. Ông N1 không còn yêu thương, tôn trọng và quan tâm đến bà. Do đó, bà yêu cầu được ly hôn với ông N1 để ổn định cuộc sống.

Bị đơn ông Vũ Thành N1 đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và triệu tập đến Tòa để tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng ông N1 vẫn vắng mặt

không có lý do nên Hội đồng xét xử không ghi nhận được ý kiến của ông N1. Tuy nhiên, trong trường hợp này cho thấy ông Nhượng không thực sự có thiện chí đoàn tụ với bà Q. Do đó, xét thấy nếu có tiếp tục kéo dài cuộc sống hôn nhân giữa bà Q và ông N1 cũng không thể đem lại hạnh phúc cho cả hai bên.

Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy: mâu thuẫn giữa bà Q và ông N1 đã thực sự trầm trọng, hạnh phúc gia đình không còn khả năng hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên đối với yêu cầu xin ly hôn của Nguyễn Thị Kim Q là có căn cứ để chấp nhận.

Về con chung: Có 02 con chung là Vũ Hoài N2, sinh ngày 22/11/1981 và Vũ Nguyễn Hoài P, sinh ngày 23/4/1985, đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xét.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không xem xét, sau này có tranh chấp phát sinh thì sẽ được giải quyết bằng một vụ kiện khác.

Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xét.

Xét đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Thành phố Hồ Chí Minh là có cơ sở để chấp nhận.

[3]. Về án phí hôn nhân sơ thẩm:

Căn cứ vào Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Luật phí và lệ phí năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án thì bà Nguyễn Thị Kim Q thuộc trường hợp được miễn án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 khoản 3 Điều 228 và Điều 238 của Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 51, 53, 56, 57 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim Q.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Kim Q được ly hôn với ông Vũ Thành N1.

(Giấy chứng nhận kết hôn số 47, quyển số 01 ngày 19 tháng 12 năm 1979 do Ủy ban nhân dân Phường 3, thị xã Vĩnh Long, Tỉnh Cửu Long cấp cho bà Nguyễn Thị Kim Q và ông Vũ Thành N1 không còn hiệu lực).

Về con chung: Có 02 con chung là Vũ Hoài N2, sinh ngày 22/11/1981 và Vũ Nguyễn Hoài P, sinh ngày 23/4/1985, đã trưởng thành.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Kim Q thuộc trường hợp được miễn án phí.

3. Về nghĩa vụ thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ bản án theo đúng quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND khu vực 7 – Tp.HCM;
- Cơ quan đã thực hiện việc ĐKKH;
- Cơ quan Thi hành án dân sự;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Quỳnh Trang

